TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH O TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 12/01/2021
V/v: Kiện đòi nợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Khải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lê Huy Trọng.
2. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thường - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Th O

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th O tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th O- TP.Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Kiện đòi nợ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 24/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 12/12/2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn T H, Sinh năm 1973.Trú tại: Thôn Ch M, xã L CH, H.Th O, TP.Hà Nội.

+ ***Bị đơn:*** **Bà Đào Thị Ph**, sinh năm 1972. trú tại: Thôn Ch M, xã L CH, H.Th O, TP.Hà Nội.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến H trình bày: Ngày 5/3/2019 giữa tôi với cô Ph có thỏa thuận chốt số nợ cụ thể cô Ph nợ tôi số tiền là 150.000.000đ, nay tôi yêu cầu cô Ph phải trả lại tôi số nợ là 150.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng kể từ ngày 5/3/2019 cho đến nay

Bị đơn: Bà Đào Thị Ph trình bầy: Tôi có quan hệ với ông H là người hàng xóm với nhau. Trong việc tranh chấp tài sản tôi xin khai cụ thể như sau: Giữa tôi với ông H có chơi phường với nhau từ nhiều năm cho đến ngày 05/3/2019 giữa tôi với ông H có thanh toán

chốt nợ với nhau và lập giấy công nhận nợ với nội dung " Tôi Nguyễn Tiến H công nhận số nợ của cô Đào Thị Ph tính đến ngày 5/3/2009 còn số nợ là 150.000.000đ(Một trăm năm mươi triệu đồng) giấy nợ hai bên cùng ký kết. Quan điểm của tôi hiện nay là khi thanh toán với nhau chúng tôi đã tính cả lãi chứ thực chất tôi chỉ có nợ ông H là 100.000.000(Một trăm triệu đồng) do vậy tôi chỉ đồng ý trả ông H 100.000.000đ là tiền gốc còn lại 50.000.000đ là tiền lãi thì cho tôi xin, về thời hạn trả bao giờ có thì trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có quan điểm yêu cầu phía bị đơn phải trả nợ gốc là 150.000.000đồng và tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 05/3/2019 cho đến ngày xét xử của khoản tiền vay là 150.000.000đồng, phía bị đơn có quan điểmdo chơi phường với nhau từ nhiều năm phía ông H có đóng tiền phường cho bà, nhưng có nhiều lần đến lượt được lấy tiền thì ông H không lấy và gửi lại bà và giấy vay tiền,cho đến ngày 05/3/2019 thì hai bên đã chốt số nợ là 150.000.000đồng trong đó có cả tiền gốc và tiền lãi, nay bà xin trả gốc là 100.000.000đ,và mỗi năm xin trả là 6.000.000đồng, còn tiền lãi 50.000.000đồng thì xin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O có quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về tài sản là tiền vay nợ, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th O.

Về thời hiệu khởi kiện: ngày 05/03/2019 có sự kiện ký giấy chốt nợ, không xác định ngày trả, không ghi lãi suất, cuối năm 2019 phát sinh tranh chấp, ngày 15/9/2020 nguyên đơn khởi kiện,nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, hòa giải, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tính lãi suất đề nghị áp dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

1.1 Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có lời khai và tham gia hòa giải không thành.Ngày 12/12/2020 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, do bị đơn vắng mặt, tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định đúng 14 giờ 30 phút ngày 12/01/2021 mở lại phiên, sau khi có quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã thông báo cho bà Phúc về việc hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bà phúc có mặt.

*1.2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*Đây là vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự đòi nợ*" theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*1.3. Về thời hiệu khởi kiện:*ngày 05/03/2019 có sự kiện ký giấy công nhận nợ, không xác định ngày trả, không xác định lãi suất, cuối năm 2019 phát sinh tranh chấp, ngày 15/9/2020 nguyên đơn khởi kiện,nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

2. Về chứng cứ nội dung khởi kiện:

Phía nguyên đơn xuất trình " Giấy công nhận" có nội dung *" Tôi Nguyễn Tiến H công nhận số nợ của cô Đào Thị Ph tính đến ngày 5/3/2019 còn số nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu)* phía cuối có chữ ký của Nguyễn Tiến H và Đào Thị Ph

Do giấy vay không thể hiện thời hạn trả và lãi suất, hiện đang có tranh chấp căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện.

Xét yêu cầu thứ nhất của nguyên đơn về việc phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng, trong nội dung" Giấy công nhận" có nội dung " Tôi Nguyễn Tiến H công nhận số nợ của cô Đào Thị Ph tính đến ngày 5/3/2019 còn số nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu) phía cuối có chữ ký của hai bên. Phía bị đơn có quan điểm Giữa tôi với ông H có chơi phường với nhau từ nhiều năm cho đến ngày 05/3/2019 giữa tôi với ông H có thanh toán với nhau và lập giấy công nhận nợ với nội dung " Tôi Nguyễn Tiến H công nhận số nợ của cô Đào Thị Ph tính đến ngày 5/3/2009 còn số nợ là 150.000.000đ(Một trăm năm mươi triệu đồng) giấy nợ hai bên cùng ký kết. Quan điểm của tôi hiện nay là khi thanh toán với nhau chúng tôi đã tính cả lãi chứ thực chất tôi chỉ có nợ ông H là 100.000.000(Một trăm triệu đồng) do vậy tôi chỉ đồng ý trả ông H 100.000.000đ là tiền gốc còn lại 50.000.000đ là tiền lãi thì cho tôi xin, về thời hạn trả mỗi năm xin trả 6.000.000đồng. Xét lời khai của bà Phúc về việc chỉ thừa nhận có nợ gốc 100.000.000đ, còn 50.000.000đ là tiền lãi nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đâu là tiền gốc và đâu là tiền lãi nên xét cần buộc bà Phúc phải trả cho ông H toàn bộ số nợ gốc được thể hiện tại giấy công nhận nợ ngày 05/03/2019 với số tiền là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu thứ hai của nguyên đơn là buộc phía bị đơn phải trả lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng trên số nợ gốc 150.000.000đồng thời hạn kể từ ngày 05/3/2019 cho đến ngày xét xử. Xét về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn thì thấy trong giấy vay không thể hiện thỏa thuận lãi suất trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn có yêu cầu phải tính lãi, do hai bên không thỏa thuận nên không có cơ sở để xem xét về cách tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xét cần tính lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay là phù hợp. Đối với lời khai của bị đơn có khai chỉ trả 100.000.000đ là tiền gốc còn lại xin 50.000.000đ là tiền lãi nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, nay cần buộc phía bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơnlà 10%/năm trên số tiền nợ gốc 150.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 22 tháng 06 ngày, tính ra số tiền lãi mà phía bị đơn phải trả là 27.750.000đồng. Tổng cả gốc và lãi phía bị đơn phải trả là: 177.750.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì phía bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến H về việc kiện đòi nợ.

2. Buộc bà Đào Thị Ph phải trả nợ cho Ông Nguyễn Tiến H tổng số tiền là 177.750.000 đồng, (Một trăm bẩy bẩy triệu, bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) Trong đó tiền gốc là 150.000.000đồng, tiền lãi là 27.750.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thải thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Ph phải nộp 8.887.000đồng(Tám triệu tám trăm tám bẩy nghìn đồng). Hoàn trả ông Nguyễn Tiến H tiền tạm ứng án là 3.500.000đồng (thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02279 ngày 15/10/2020 của chi cục Thi hánh án dân sự huyện Th O.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Toà án nhân dân TP,Hà Nội;
-Các đương sự;
-VKS nhân dân huyện Th O;
-THA dân sự huyện Th O;
-Lưu:Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN KHẢI